

UNIT 2

HEALTH (SỨC KHỎE)

A. NGỮ PHÁP (GRAMMAR)

I. Lượng từ bất định (*Indefinite quantifiers*)

1. Lượng từ bất định là gì?

Lượng từ bất định là những từ chỉ số lượng không cụ thể trong tiếng Anh. Một số lượng từ đi với danh từ đếm được, số khác đi với danh từ không đếm được, và một số đi với cả danh từ đếm được và không đếm được.

Ví dụ:

I have lots of dolls.

(Tôi có nhiều búp bê.)

She knows much information about the project.

(Cô ấy biết nhiều thông tin về dự án.)

He doesn't do any exercise.

(Anh ấy không tập bất kì bài thể dục nào.)

2. Một số lượng từ bất định thường gặp

a. *Few* và *a few*

Few có nghĩa là “rất ít” và *a few* có nghĩa là “một vài”. Chúng ta dùng *few* và *a few* trước danh từ đếm được số nhiều.

Ví dụ:

I have few friends.

(Tôi có rất ít bạn.)

There are a few houses on the hill.

(Có một vài ngôi nhà trên đồi.)

b. Little và a little

Little có nghĩa là “rất ít” và *a little* có nghĩa là “một ít”. Chúng ta dùng *little* và *a little* trước danh từ không đếm được.

Ví dụ:

We have little flour.

(Chúng ta còn rất ít bột mì.)

Would you like a little sugar for your coffee?

(Bạn có muốn thêm một ít đường vào cà phê không?)

c. Some và any

Some có nghĩa là “một vài, một ít” và *any* có nghĩa là “một ít, bất kì”. Chúng ta dùng *some* và *any* với cả danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được. Tuy nhiên, *some* thường được dùng trong câu khẳng định, *any* được dùng trong câu phủ định và câu hỏi.

Ví dụ:

Mai has some interesting comics.

(Mai có một vài quyển truyện tranh rất hay.)

I want some orange juice.

(Tôi muốn một ít nước ép cam.)

She doesn't know any boys in her class.

(Cô ấy không biết bất kì bạn nam nào trong lớp cả.)

Do you have any information about him?

(Bạn có thông tin nào về anh ấy không?)

LƯU Ý:

- Dùng *some* trong câu yêu cầu hay đề nghị.

Ví dụ:

Would you like some tea?

(Bạn muốn uống một ít trà không?)

- Không dùng *some* với ý nghĩa *a few* khi dùng cho đơn vị thời gian.

Ví dụ:

I'll be absent for a few days.

(Tôi sẽ vắng mặt một vài ngày.)

- **Any** cũng có thể được dùng trong câu khẳng định với nghĩa là “bất kì”.

Ví dụ:

Any colour will do.

(Bất kì màu nào cũng được.)

d. **Many** và **much**

Many và **much** đều có nghĩa là “nhiều”. Tuy nhiên, chúng ta dùng **many** trước danh từ số nhiều đếm được và **much** trước danh từ không đếm được.

Ví dụ:

There are many foreign students in my class.

(Có nhiều sinh viên nước ngoài trong lớp tôi.)

We don't eat much meat.

(Chúng tôi không ăn nhiều thịt.)

e. **A lot of** và **lots of**

A lot of và **lots of** đều có nghĩa là “nhiều”. Cả hai đều có thể được dùng với danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được. **A lot of** và **lots of** được dùng trong câu khẳng định thay cho **many** và **much** để thể hiện sự trang trọng.

Ví dụ:

I saw a lot of flowers in the garden yesterday.

(Tôi thấy rất nhiều hoa trong vườn hôm qua.)

She spent lots of money on her clothes.

(Cô ấy đã chi rất nhiều tiền cho quần áo.)

3. Cách đặt câu hỏi về số lượng

Chúng ta thường dùng **How much** và **How many** để hỏi về số lượng. Tuy nhiên, **How much** được dùng với danh từ không đếm được và **How many** được dùng với danh từ đếm được số nhiều.

Cấu trúc:

How much + uncountable noun + be/auxiliary Verb...?

How many + countable noun + be/auxiliary Verb...?

Ví dụ:

How much time do we have left?

(Chúng ta còn lại bao nhiêu thời gian?)

How many students are there in your class?

(Có bao nhiêu sinh viên trong lớp bạn?)

II. Cách dùng *should* và *shouldn't*

1. Cấu trúc

a. Thể khẳng định

S + should + V (nguyên thể)

Ví dụ:

You should eat cooked food.

(Bạn nên ăn thức ăn đã nấu chín.)

Nam should ask his father's opinion.

(Nam nên hỏi ý kiến của ba cậu ấy.)

b. Thể phủ định:

S + shouldn't + V (nguyên thể)

Ví dụ:

You shouldn't drink much coffee.

(Bạn không nên uống nhiều cà phê.)

Hoa shouldn't eat lots of fast food.

(Hoa không nên ăn nhiều thức ăn nhanh.)

c. Thể nghi vấn:

Should + S + V (nguyên thể)

Cách trả lời:

Yes, S + should. / No, S + shouldn't.

(Có, ... nên. / Không, ... không nên.)

Ví dụ:

Should I see the doctor?

(Tôi có nên đi khám bác sĩ không?)

Yes, you should. / No, you shouldn't.

(Có, bạn nên. / Không, bạn không nên.)

2. Cách dùng

- Dùng **Should** hoặc **Shouldn't** để khuyên ai đó nên hay không nên làm gì.

Ví dụ:

A: I want to lose weight.

(Tôi muốn giảm cân.)

B: You should eat less and do more exercise.

(Bạn nên ăn ít lại và siêng tập thể dục hơn.)

- **Should** có thể được dùng để xin lời khuyên.

Ví dụ:

Should I take an aspirin?

(Tôi có nên uống thuốc giảm đau không?)

Yes, you should. / No, you shouldn't.

(Có, bạn nên. / Không, bạn không nên.)